

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 323/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 26/5/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn và Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị An.

Ông Nguyễn Đức Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 166/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Ly hôn và Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXX - ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1976

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn Đ, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nga: Ông Lê Phùng H - Luật sư
- Văn phòng Luật sư Huyền Lê và cộng sự.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bá G - sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông G (về việc chia tài sản chung): Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 21 ngõ 2 V, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1996
HKTT: Số 21 ngõ 2 V, phường K, quận B, thành phố Hà Nội;
Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của chị T là bà Ngô Thị N (mẹ đẻ của chị T). Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn Đ, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2, Văn phòng Công chứng Đông Anh.
Trụ sở: Đường Cao Lỗ, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T - Trưởng Văn phòng

Có mặt: Bà N, ông G, bà H, Luật sư H.

Vắng mặt: Chị T, Văn phòng Công chứng Đông Anh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Ngô Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Bá G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/02/1995 tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về chung sống trên nhà đất của gia đình anh G tại thôn T, xã N sống trên đất của bố mẹ chồng tôi, nhưng ở riêng, ăn riêng. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tôi sống chung nhà, nhưng đã ly thân từ 4 đến 5 năm trở lại đây và chính thức khoảng hơn 01 năm nay tôi thuê nhà ra ở riêng tại xóm Đình, thôn Đ, xã N, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hòa giải được vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống;

Về con chung

Tôi và anh G có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị T – 1996 và cháu Nguyễn Đức T – sinh ngày 2002, hiện nay hai cháu đều đã thành niên nên việc ở với ai do các cháu quyết định, tôi không yêu cầu giải quyết về con chung, trường hợp các cháu quyết định ở với tôi thì tôi cũng nhất trí;

Về tài sản chung, nợ chung:

- Tôi khẳng định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng tôi không có tài sản chung, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp ở 03 xứ đồng gồm: xứ đồng Vùng 10, xứ đồng Cống làng và xứ đồng Đầu làng có nguồn gốc là đất nông nghiệp cấp theo tiêu chuẩn Nghị định 64/CP của 03 người là tôi, anh G và cháu T. Nay anh G có yêu cầu phản tố và yêu cầu chia tài sản chung tôi không nhất trí vì đây là tài sản của cá nhân tôi bởi anh G và cháu T đã tặng cho tôi bằng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7789/HĐTC/2019 ngày 02/11/2019.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7789/HĐTC/2019 ngày 02/11/2019 đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, anh G và cháu T cùng nhất trí tặng cho tôi đúng tên đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp là 1170m² tại các xứ đồng Cồng Làng, Đầu Làng và xứ Đồng Vùng 10 theo giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 292017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2019 cấp cho tôi là Ngô Thị N; Vì vậy tôi có quyền sở hữu đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trên;

- Về ý kiến của anh G cho rằng tôi có sự lừa dối anh G và cháu T trong việc ký hợp đồng tặng cho, tôi không nhất trí vì thời điểm ký tặng cho các bên hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo và tự nguyện, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký tại nhà vợ chồng tôi ở thôn T, xã N trước sự chứng kiến của Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đông Anh theo quy định;

- Vì vậy tôi không đồng ý với yêu cầu phản tố và chia tài sản chung của anh Giáp cũng như trình bày của đại diện theo ủy quyền của anh G. Tôi không nhất trí với yêu cầu trả lại đất nông nghiệp cho anh G, không nhất trí phương án đại diện theo ủy quyền của anh G đưa ra là: Tôi và cháu T hưởng 740m² đất ở xứ đồng vùng 10, anh G hưởng 120m² ở xứ đồng Đầu làng và 310m² ở xứ đồng Cồng làng. Theo tiêu chuẩn mỗi người được hưởng 1,1 sào đất nông nghiệp tương đương 390m².

- Tôi nhất trí với ý kiến cháu T, diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn cháu T được cấp được gộp vào diện tích đất nông nghiệp tôi được hưởng.

- Về nợ chung: Tôi và ông G không có nợ chung.

*** *Quan điểm của Bị đơn là ông Nguyễn Bá G trình bày:***

Tôi và bà Ngô Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/02/1995 tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về chung sống trên nhà đất của bố mẹ tôi, tại thôn T, xã N sống trên đất của bố mẹ tôi nhưng ở riêng ăn riêng. Vợ chồng sinh sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 tôi ốm bệnh và đi viện mổ 02 lần não, 01 lần mổ cắt thận thì chị N không đến viện chăm sóc tôi mà tự nhiên bỏ ra khỏi nhà, không nói đi đâu, làm gì mà chỉ nói chuyển lên ở gần chỗ làm. Từ đó đến nay chị N không về nhà nữa và ly thân luôn với tôi, chị N cũng không liên lạc với tôi và các con.

Nay bà N xin ly hôn thì tôi không nhất trí vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản thân tôi không đánh chửi, không đuổi bà N ra khỏi nhà mà tự bỏ đi. Tôi đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Trường hợp bà N vẫn kiên quyết xin ly hôn thì tôi cho rằng là do tự bỏ đi nên giờ quay về thì xấu hổ, vì vậy tôi cũng sẽ tha thứ cho bà N để vợ chồng về đoàn tụ cùng lo lắng nuôi dạy cho con chung; Trường hợp bà N vẫn không thay đổi ý định ly hôn thì tôi nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

Về con chung, chúng tôi có 02 con chung là: cháu Nguyễn Thị T – 1996 và Nguyễn Đức T – sinh ngày 2002, hiện nay hai cháu đều đã thành niên nên việc ở với ai do các cháu quyết định, tôi không yêu cầu giải quyết về con chung, trường hợp các cháu quyết định ở với tôi thì tôi cũng nhất trí;

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian tôi bị ốm phẫu thuật năm 2019, bà N nói tôi ký giấy tờ để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp có thời hạn là 50 năm thì tôi tin tưởng nên đã ký, nay tôi mới biết là bà N đã tự ý đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích 03 khẩu đất nông nghiệp của tôi, của bà N, và của cháu T toàn bộ đứng tên bà N, diện tích cụ thể thì tôi không nhớ chính xác. Trường hợp giải quyết ly hôn thì tôi yêu cầu bà N phải trả lại cho tôi và cháu T phần đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn tôi và cháu được hưởng là mỗi người 1,1 sào đất tương đương với 390m².

Ngoài ra chúng tôi không còn tài sản chung nào khác. Thửa đất ở tôi đang sử dụng là đất của bố mẹ tôi đã có từ trước, hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên bố tôi là ông Nguyễn Bá M, nhà ở trên đất vẫn là nhà do bố mẹ tôi xây dựng cho từ trước, vợ chồng không xây dựng được thêm công trình gì.

Về nợ chung: Không có nợ chung;

Về chỗ ở: Bà N phải tự lo chỗ ở sau ly hôn và không được ở trên nhà đất của gia đình tôi nữa.

Do điều kiện sức khỏe của tôi rất yếu nên tôi xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, mọi ý kiến tôi đã trình bày tại biên bản ghi lời khai và không thay đổi, tôi ủy quyền cho chị gái là bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng trong vụ án để giải quyết về việc chia tài sản khi ly hôn của tôi với bà N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Giáp về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh G chị N đã sinh sống trên nhà đất của bố mẹ anh G, không tạo lập được bất cứ tài sản chung gì, việc này cả anh G và chị N đều thừa nhận.

Anh G và chị N chỉ có tài sản chung là đất nông nghiệp sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cấp theo Nghị định 64/CP. Theo đó hộ gia đình anh Giáp chị N gồm có 03 người là anh G, chị N và cháu Nguyễn Thị T đã được cấp 1170m² đất sản xuất nông nghiệp tại 03 xứ đồng của thôn T, xã N gồm: xứ đồng Vùng 10 có diện tích 740m², xứ đồng Đầu làng có diện tích 120m² và ở xứ đồng Cổng làng có diện tích 310m². Các thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 30/6/2000 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Bá G.

Việc lập và ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7789/HĐTC/2019 ngày 02/11/2019 hoàn toàn là do bà N chủ động tiến hành, ông G không nắm được nội dung cụ thể, bởi thời điểm 2019 ông G đang mắc bệnh hiểm nghèo, phải mổ thận, sức khỏe giảm sút, mặt khác do sức khỏe tâm thần của ông G không được tốt vì đã 02 lần phải mổ não. Do tin tưởng vào bà N nói là để làm thủ tục gia hạn đất từ 20 năm đến 50 năm, nên bà N bảo ký thì ông G chỉ biết ký và không đọc, không được biết về nội dung của Hợp đồng.

Mặt khác các bên đã thống nhất thỏa thuận điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng là bà N có nghĩa vụ chăm sóc ông G khi ốm đau bệnh tật: tại Điều 4 của hợp đồng thể

hiện: “*Quyền của bên tặng cho là: Được yêu cầu bên B (bên được tặng cho tức bà Nga) chăm sóc nuôi dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ đối với người thứ ba (nếu có)*”...

Tuy nhiên từ khi ông G ốm đau, mất sức lao động và nằm viện từ năm 2001, đặc biệt là từ năm 2020 đến nay, khi anh G nhập viện và phẫu thuật tại bệnh viện Việt Đức, thì bà N để mặc ông Giáp ốm đau bệnh tật và làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án, là không thực hiện theo đúng điều khoản của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Vì vậy ông G giữ nguyên yêu cầu phản tố và đề nghị Tòa án:

- Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 292017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2019 cho bà Ngô Thị N.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số công chứng: 7789/HĐTC/2019, lý do hủy: Trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, Điều 4.1 quyền của bên tặng cho được yêu cầu bên B chăm sóc nuôi dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ (đối với người thứ 3).

- Chia tài sản chung là diện tích đất nông nghiệp 1.170m² bao gồm: Xứ đồng Cổng làng 310m², xứ đồng Vùng 10 là 740m² và xứ đồng Đầu làng 120m² cho 03 ông Nguyễn Bá G, bà Ngô Thị N và chị Nguyễn Thị T hưởng theo tiêu chuẩn cấp đất nông nghiệp.

- Trường hợp yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất nông nghiệp của bị đơn được chấp nhận, ông G có nguyện vọng được hưởng phần đất nông nghiệp tại xứ đồng Cổng làng có diện tích 310m² và một phần diện tích ở xứ đồng Đầu làng, đúng với diện tích đất nông nghiệp mà ông G được nhà nước cấp theo tiêu chuẩn với lý do: Thừa đất hiện nay ông G đang trực tiếp quản lý, sử dụng và trồng cây, mặt khác toàn bộ công sức tôn tạo và trồng cây trên đất tại thửa đất này là do ông G thực hiện và quản lý từ trước đến nay, còn bà N đã bỏ ra ngoài sinh sống nhiều năm nay. Về vị trí địa lý, xứ đồng này gần chỗ ở thuận tiện cho việc canh tác và quản lý vì hiện nay ông G bị bệnh nan y nên không thể đi lại canh tác ở xứ đồng xa hơn là xứ đồng Vùng 10.

Về nợ chung: Nhất trí với ý kiến của bà N và ông G, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông G bà N không có nợ chung.

*** Quan điểm của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** là chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi nhất trí với ý kiến của mẹ tôi là bà Ngô Thị N đã trình bày, phân tiêu chuẩn 1,1 sào đất nông nghiệp của tôi được cấp, tôi nhất trí gộp vào phân tiêu chuẩn của mẹ tôi là bà N và đứng tên bà N, khi nào có yêu cầu thì tôi sẽ làm thủ tục tách ruộng sau.

*** Quan điểm của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** là Văn phòng Công Chứng Đông Anh trình bày: Ngày 02/11/2019, bên tặng cho là ông Nguyễn Bá G và chị Nguyễn Thị T; Bên được tặng cho là bà Ngô Thị N đã có đơn yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, cụ thể là tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp có diện tích là 1170m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa: R101433 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 30/6/2000 mang tên hộ gia

đình ông Nguyễn Bá G, hiện trạng tài sản được miêu tả cụ thể trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có số công chứng: 7789/HĐTC/2019 do Công chứng viên Lê Thị Kim Y thực hiện việc chứng nhận ngày 02/11/2019.

Trên cơ sở tài liệu đã lưu trữ, Văn phòng Công chứng Đông Anh khẳng định: Toàn bộ quá trình công chứng hợp đồng nêu trên được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật. Các bên tham gia giao kết hợp đồng đều được giải thích pháp luật và hiểu rõ nội dung và hệ quả pháp lý của hợp đồng và hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận. Nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm công chứng các bên tham gia giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị N với ông Nguyễn Bá G.
- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Giáp.
- Ghi nhận sự tự nguyện của bà N tặng cho lại ông G quyền sử dụng 310m² đất có vị trí tại xứ đồng Cồng làng thôn T, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
- Buộc ông G phải trả cho bà Nga 1/2 giá trị các tài sản có trên thửa đất có diện tích 310m² là: $1/2 \times 13.500.000 \text{ đồng} = 6.750.000 \text{ đồng}$.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Bá G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đã đăng ký kết hôn ngày 27/02/1995 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Bà N và ông G có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Bá G là hợp pháp. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 292017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2019 cho bà Ngô Thị N, trên cơ sở cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa: R101433 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 30/6/2000 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Bá G, sau khi có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, công chứng số 7789/HĐTC/2019 ngày

02/11/2019 do Văn phòng Công chứng Đông Anh thực hiện, là công việc của Cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai, không phải là hành vi tố tụng. Do vậy Tòa án xác định Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội không phải là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các bên đương sự, tuy nhiên chị Nguyễn Thị T và Văn phòng Công chứng Đông Anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của chị T có mặt tại phiên tòa.

Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt chị T và Văn phòng Công chứng Đông Anh, là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Phần trình bày tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án của bà N, ông G, đều xác định quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông G bị bệnh hiểm nghèo, nên bà N đã bỏ ra ngoài sinh sống không quan tâm đến ông và các con. Chị Nguyễn Thị T thì sinh sống với bà Nguyễn Thị H (chị của ông G) tại: Số 21 ngõ 2 V, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội; Anh Nguyễn Đức T thì sinh sống cùng ông Nguyễn Bá G. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết được ly hôn với ông G và ông G cũng đồng ý.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông G đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Như vậy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay bà N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông G là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, do vậy yêu cầu xin ly hôn của bà N được chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Bá G có 02 con chung là: Nguyễn Thị T – 1996 và Nguyễn Đức T – sinh ngày 2002, đều đã thành niên và hiện nay đang sinh sống cùng với ông G.

[6] Về tài sản chung, nợ chung:

Căn cứ lời khai của các bên đương sự, căn cứ Biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 05/11/2021 thì bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Bá G có những tài sản chung như sau: 03 thửa đất nông nghiệp có tổng diện tích là 1170m²; Tài sản trên đất gồm: 06 cây Mít to có quả, có giá trị là 6 x 400.000 đồng/cây = 2.400.000 đồng; 02 cây Mít nhỏ chưa có quả, có giá trị là 2 x 200.000 đồng/cây = 400.000 đồng; 02 cây Ổi, có giá trị là 2 x 400.000 đồng/cây = 800.000 đồng; 09 cây Bưởi to có quả, có giá trị là 9 x 900.000 đồng/cây = 8.100.000 đồng; 01 cây Bưởi nhỏ chưa có quả, có giá trị là 1 x 150.000 đồng/cây = 150.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản có trên đất là 13.500.000 đồng. Mặc dù các tài sản này do một mình ông G trực tiếp cây trồng và chăm sóc, nhưng là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên xác định là tài sản chung của vợ chồng.

Ngoài các tài sản nêu trên thì bà N và ông G đều thừa nhận không còn tài sản chung và khoản nợ chung nào khác.

Xét yêu cầu phản tố của Bị đơn:

- Ngày 02/11/2019 ông Nguyễn Bá G và chị Nguyễn Thị T đã ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số công chứng: 7789/HĐTC/2019 tại nhà của ông G và bà N ở thôn T, xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, do Văn phòng Công chứng Đông Anh thực hiện, lý do ký hợp đồng ngoài trụ sở: do ông G bị ốm không thể đi xa được.

Theo bà N trình bày thì bà và ông G trên thực tế đã ly thân từ 4 đến 5 năm, trong khoảng thời gian này thì bà N vẫn thỉnh thoảng đi về, vợ chồng thực sự sống ly thân hoàn toàn từ năm 2020 đến nay. Ông G lại là người có sức khỏe thần kinh không bình thường, theo như ông G trình bày thì bà N có nói với ông G là chuyển sang tên quyền sử dụng đất nông nghiệp cho bà N để bà N làm thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất, nên bảo ông ký vào các văn bản thì ông chỉ biết ký vì tin tưởng bà N. Mặt khác theo thỏa thuận của Hợp đồng thì sau khi được ông G tặng cho quyền sử dụng đất thì bà N phải có nghĩa vụ chăm sóc ông G khi ốm đau, bệnh tật.

Tuy nhiên ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N đã bỏ mặc ông G và các con, bỏ hẳn ra ngoài sinh sống một mình, không chăm sóc ông G và làm đơn xin ly hôn với ông G.

Bà N đã có chủ đích từ trước, mặc dù biết tình cảm vợ chồng không còn, bà N đã bỏ ra ngoài thuê nhà để ở một mình từ nhiều năm trước, biết ông G là người ốm đau, bệnh tật, thường xuyên phải đi bệnh viện, là người có sức khỏe thần kinh không bình thường, nhưng bà N vẫn hứa hẹn sẽ chăm sóc ông khi ốm đau để ông G ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, do vậy mà tại phạm khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, được công chứng: 7789/HĐTC/2019 ngày 02/11/2019 có ghi: *“Quyền của bên tặng cho là: Được yêu cầu bên B (bên được tặng cho tức bà Nga) chăm sóc nuôi dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ đối với người thứ ba (nếu có)”*...Như vậy bà N đã lừa dối ông G, hứa sẽ chăm sóc ông khi ốm đau, bệnh tật để được tặng cho quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại Điều 127 Bộ luật dân sự thì phản hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá G đối với bà Ngô Thị N là vô hiệu. Điều luật quy định:

“... Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối, ... thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.

Lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó”.....

Do vậy yêu cầu về việc tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, được công chứng: 7789/HĐTC/2019 ngày 02/11/2019 là vô hiệu của ông Giáp được chấp

nhận một phần, bởi lẽ phần tặng cho của chị Nguyễn Thị T đối với bà N thì chị T không có yêu cầu.

Như vậy ông Nguyễn Bá G được quyền sử dụng **390m²** đất sản xuất nông nghiệp trong tổng số 1170m² đất nêu trên là có căn cứ nên yêu cầu chia tài sản chung của ông G được chấp nhận.

- Mặt khác chị Nguyễn Thị T có quan điểm nếu phải chia tài sản chung của vợ chồng bà N và ông G thì kỷ phần đất nông nghiệp của chị T được gộp cùng với kỷ phần của bà N và vẫn đứng tên bà N trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy yêu cầu của ông G về việc Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 292017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2019 cho bà Ngô Thị N là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do vậy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số 7789/HĐTC/2019 ngày 02/11/2019 do Văn phòng Công chứng Đông Anh thực hiện, ***có hiệu lực pháp luật***, đối với phần liên quan đến việc chị Nguyễn Thị T tặng cho bà Ngô Thị N quyền sử dụng đất nông nghiệp.

- Xét yêu cầu của ông G về việc có nguyện vọng được giao quyền sử dụng đất thuộc thửa đất có diện tích 310m² tại xứ đồng Cồng làng: Xét thấy ông G là người ốm đau, bệnh tật nên giao cho ông phần đất nông nghiệp ở gần nơi ở là phù hợp, mặt khác hiện nay ông G vẫn đang trực tiếp, quản lý, sử dụng và đang trồng cây trên đó. Thửa đất tại xứ đồng Vùng 10, nằm ở vị trí rất xa nơi ở, mặt khác thửa đất này có diện tích là 740m², trong đó bà N lại được hưởng 780m² đất nông nghiệp, nên giao cho bà N sử dụng thửa đất này là phù hợp.

Giao đất trên thực địa như sau:

- Giao cho bà Ngô Thị N sử dụng 740m² đất sản xuất nông Nghiệp thuộc thửa đất tại xứ đồng Vùng 10 và 40 m² đất sản xuất nông Nghiệp thuộc xứ đồng Đầu làng, thôn T, xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Giao cho ông Nguyễn Bá G tiếp tục sử dụng 310m² đất sản xuất nông Nghiệp thuộc thửa đất tại xứ đồng Cồng làng và 80 m² đất sản xuất nông Nghiệp thuộc xứ đồng Đầu làng, thôn T, xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Buộc ông G phải thanh toán cho bà Nga 1/2 giá trị các tài sản có trên thửa đất có diện tích 310m² là: $1/2 \times 13.500.000 \text{ đồng} = 6.750.000 \text{ đồng}$.

[7] Về án phí: Bà Ngô Thị N được hưởng 780m² đất có giá trị là: $780\text{m}^2 \times 135.000 \text{ đồng/m}^2 = 105.300.000 \text{ đồng}$ và 6.750.000 đồng tiền giá trị các tài sản có trên đất, nên phải chịu án phí dân sự về việc chia tài sản chung là: $(105.300.000 \text{ đồng} + 6.750.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 5.602.500 \text{ đồng}$ và 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

Ông Nguyễn Bá G được hưởng 390 m² đất có giá trị là: $390\text{m}^2 \times 135.000 \text{ đồng/m}^2 = 52.650.000 \text{ đồng}$ và 6.750.000 đồng tiền giá trị các tài sản có trên đất, nên

phải chịu án phí dân sự về việc chia tài sản chung là: (52.650 đồng + 6.750.000 đồng) x 5% = 2.97.000 đồng, theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 56; Điều 59; khoản 1 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Điều 127; Điều 130 và Điều 131 Bộ luật Dân sự.
- Khoản 1 Điều 24; điểm a và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về việc “*ly hôn*” đối với ông Nguyễn Bá G.

Bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Bá G.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Bá G về việc “Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, được công chứng số: 7789/HĐTC/2019 ngày 02/11/2019, do Văn phòng Công chứng Đông Anh thực hiện, **vô hiệu** đối với phần liên quan đến việc ông Nguyễn Bá Giáp tặng cho bà Ngô Thị N quyền sử dụng 390m² đất sản xuất nông nghiệp.

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số 7789/HĐTC/2019 ngày 02/11/2019, do Văn phòng Công chứng Đông Anh thực hiện, **có hiệu lực pháp luật**, đối với phần liên quan đến việc chị Nguyễn Thị T tặng cho bà Ngô Thị N quyền sử dụng 390m² đất nông nghiệp.

[3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Bá G về việc tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 292017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2019 cho bà Ngô Thị N.

[4] Xác nhận tài sản chung của bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Bá G trong khối tài sản chung của hộ gia đình gồm có: Quyền sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp có tổng diện tích là 1170m². Trong đó: Xứ đồng Công làng có diện tích là 310m², xứ đồng Đầu làng có diện tích là 120m² và xứ đồng Vùng 10 có diện tích là 740m² đều thuộc thôn T, xã N, huyện Đông Anh Thành phố Hà Nội và các cây lâm lộc có trên

thửa đất 310m² tại xứ đồng Cổng làng có tổng giá trị là 13.500.000 (mười ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Giao cho bà Ngô Thị N sử dụng 740m² đất sản xuất nông nghiệp thuộc thửa đất tại xứ đồng Vùng 10 và 40 m² đất sản xuất nông nghiệp thuộc xứ đồng Đầu làng, thôn T, xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Giao cho ông Nguyễn Bá G tiếp tục sử dụng 310m² đất sản xuất nông nghiệp thuộc thửa đất tại xứ đồng Cổng làng và 80 m² đất sản xuất nông nghiệp thuộc xứ đồng Đầu làng, thôn T, xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Bá G có quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai và đăng ký sử dụng đất đai để làm thủ tục hiệu chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

Kiến nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đông Anh, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội hiệu chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Bá G cho phù hợp với quyết định của bản án này, đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội đã cấp cho bà Ngô Thị N ngày 27/11/2019 có bìa số CU 292017.

- Buộc ông G phải thanh toán cho bà N 1/2 giá trị các tài sản có trên thửa đất có diện tích 310m² là: 6.750.000 (sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Bá G không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền 6.750.000 đồng cho bà Ngô Thị N thì ông G còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị N phải chịu 5.602.500 đồng (năm triệu, sáu trăm linh hai nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0008949 ngày 25/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

- Ông Nguyễn Bá G phải chịu 2.970.000 (hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn) đồng, được trừ số tiền 1.316.000 (một triệu, ba trăm mười sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0045462 ngày 09/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

[6] Về quyền kháng cáo:

- Bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Bá G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Nguyễn Thị T và Văn phòng Công chứng Đông Anh có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phi Hùng